HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17 /2022/NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

"1. Quy định này phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam (đối với các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng không quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam), tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên."

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi tắt là tổ chức)."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Đơn vị sự nghiệp của Đảng, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị)".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"**Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc (là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước);

b) Xe ôtô;

c) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

d) Hàng hóa, dịch vụ, tài sản công khác là động sản có giá trị mua sắm từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ; hoặc gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên của các cơ quan thuộc cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có giá trị từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) của các cơ quan thuộc phạm vi quản lý; quyết định mua sắm tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) có giá trị dưới 01 tỷ đồng của cơ quan mình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên của các cơ quan thuộc cấp huyện và thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương; trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) có giá trị dưới 500 triệu đồng của cơ quan mình."

4. Sửa đổi, bổ sung tên và một số khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 như sau: "**Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan**"

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Thuê trụ sở làm việc của các cơ quan thuộc cấp tỉnh;

b) Thuê các tài sản khác có giá trị một lần thuê từ 300 triệu đồng trở lên đối với các cơ quan thuộc cấp tỉnh."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương quyết định thuê các tài sản khác có giá trị một lần thuê từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng của cơ quan trực thuộc phạm vi quản lý; quyết định thuê các tài sản khác có giá trị một lần thuê dưới 300 triệu đồng của cơ quan mình."

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

a) Thuê trụ sở làm việc của cơ quan thuộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Thuê các tài sản khác có giá trị một lần thuê từ 50 triệu đồng trở lên của các cơ quan thuộc cấp huyện và thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã."

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Thủ trưởng cơ quan trực thuộc các sở, ban, ngành và tương đương; trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê các tài sản khác có giá trị một lần thuê dưới 50 triệu đồng để phục vụ hoạt động của cơ quan mình."

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô;

c) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

d) Tài sản công khác là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan thuộc cấp tỉnh."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) của các cơ quan thuộc cấp huyện và thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã."

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

b) Xe ô tô;

c) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

d) Tài sản công khác là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản giữa các sở, ban, ngành và tương đương thuộc cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh với cấp huyện hoặc cấp xã; giữa cấp huyện với cấp huyện."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công khác là động sản giữa các cơ quan thuộc cấp huyện; giữa cơ quan cấp huyện với cấp xã; giữa cấp xã với cấp xã (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này)."

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công, gồm:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô;

c) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

d) Tài sản công khác là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan thuộc cấp tỉnh."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương quyết định bán tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý; quyết định bán tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản của cơ quan mình."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan thuộc cấp huyện và thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã."

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công, bao gồm :

a) Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan thuộc cấp tỉnh;

b) Xe ô tô;

c) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

d) Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất đã hao mòn hết, đã hư hỏng không thể sử dụng được; tài sản công khác là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan thuộc cấp tỉnh."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương quyết định thanh lý tài sản công của các cơ quan trực thuộc phạm vi quản lý và của cơ quan mình, đối với tài sản:

a) Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất đã hao mòn hết, đã hư hỏng không thể sử dụng được; tài sản công khác là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan trực thuộc phạm vi quản lý. Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất đã hao mòn hết, đã hư hỏng không thể sử dụng được; tài sản công khác là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản đối với tài sản của cơ quan mình.

c) Vật liệu, vật tư thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ trong quá trình sửa chữa Trụ sở (đối với công trình sửa chữa từ nguồn chi thường xuyên không được lập thành dự án) của cơ quan mình."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công của các cơ quan thuộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã, đối với tài sản:

a) Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất đã hao mòn hết, đã hư hỏng không thể sử dụng được; tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản."

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Thủ trưởng cơ quan trực thuộc các sở, ban, ngành và tương đương; trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công đang trực tiếp quản lý và sử dụng, đối với:

a) Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất đã hao mòn hết, đã hư hỏng không thể sử dụng được; tài sản công khác là động sản trực tiếp quản lý, sử dụng (trừ tài sản công quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị một tài sản.

b) Vật liệu, vật tư thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ trong quá trình sửa chữa trụ sở (đối với công trình sửa chữa từ nguồn chi thường xuyên không được lập thành dự án) của cơ quan mình."

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bao gồm:

a) Xe ô tô;

b) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

c) Tài sản công khác là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan thuộc cấp tỉnh quản lý."

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

"3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với: Tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan thuộc phạm vi quản lý; tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan mình."

c) Sửa đổi khoản 4 như sau:

"4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với: Tài sản công khác là động sản (trừ tài sản công quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan thuộc cấp huyện và thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã."

10. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 12 như sau:

"**Điều 12. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.**"

11. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 3 như sau:

"PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI"

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

"Điều 18. Thẩm quyền mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước quy định tại Mục 1 Chương II của Quy định này."

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Mục 2 Chương II của Quy định này."

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

"Điều 20. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án; tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án được cơ quan người có thẩm quyền phê duyệt, việc xử lý tài sản được thực hiện như phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước tại Mục 1 Chương II của Quy định này.

2. Đối với tài sản là vật tư thu hồi của dự án giao cho cơ quan quản lý, sử dụng tài sản công hoặc giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án (trong trường hợp không xác định được cơ quan quản lý, sử dụng tài sản công) phê duyệt phương án xử lý theo quy định pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công."

14. Bãi bỏ khoản 4 Điều 1; khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 9; khoản 2 Điều 10; khoản 2 Điều 11.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khoá XIV;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
Email: hdndtinh@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 20-07-2022 22:13:34 +07:00

Phạm Hoàng Sơn